

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2017/HNGĐ – ST**

Ngày: 04/7/2017.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Võ Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 196/2017/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp LQ, xã LĐ, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2017, bản tự khai ngày 16/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Văn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 03 năm 2013 thì anh S đi nước ngoài làm việc, đến tháng 01 năm 2017 anh S trở về Việt Nam thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chị T không chịu về chung sống với anh S mà vẫn sống chung với cha, mẹ ruột của chị T ở xã LD, huyện BD, tỉnh Bến Tre do đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã. Anh S và chị T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay.

Anh S thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy anh S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh S được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh S khai, anh S và chị T không có con chung.
- Về tài sản chung: Anh S không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh S khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2017 bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận lời trình bày của anh S về điều kiện kết hôn và thời gian chung sống của vợ chồng. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của anh S, chị T không đồng ý ly hôn, chị T cho rằng hiện nay vợ chồng vẫn còn tình cảm, có thể hàn gắn được.

- Về con chung: Chị T khai, chị T và anh S không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh S và chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 02/2013 ngày 14 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống của vợ chồng do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Anh S và chị T sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã hòa giải cho anh S và chị T đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với chị T. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh S và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị T.

[2] Về con chung: Anh S và chị T không có con chung nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh S và chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Anh S và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc anh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương T.

2. Về con chung: Anh S và chị T không có con chung nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung: Anh S và chị T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về nợ chung: Anh S và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc anh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005596 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Anh S đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã TT huyện CT;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải